

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 43/2023/DS-ST
Ngày 13 tháng 7 năm 2023
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hữu Linh, ông Trần Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Năng Quân là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Hai - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 386/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2023 và theo Thông báo mở lại phiên tòa số 07/2023/TB-TA ngày 23 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H

Địa chỉ: Số nhà 25 Bis, đường Nguyễn Thị Minh K, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T; Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T; Chức vụ: Chuyên viên QHKKH

Nơi công tác: Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H - Phòng giao dịch huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ: Số nhà 412, đường G, thị trấn E, huyện E, Đắk Lắk

Theo văn bản ủy quyền số 01/2022/UQ-EAHLEO ngày 10 tháng 8 năm 2022 (Có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1964; bà Đinh Thị L, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn 11, xã E huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Đều vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1995; Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1997 (Đều vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 11, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H (Ngân hàng), cho ông Nguyễn Văn N, bà Đinh Thị L (ông N, bà L) vay số tiền 500.000.000đ, lãi suất 10,4%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Hình thức vay là có bảo đảm bằng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông N, bà L trả được cho Ngân hàng 505.471đ tiền lãi, chưa trả bất kỳ khoản tiền gốc nào. Tính đến ngày 13 tháng 7 năm 2023, ông N, bà L còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 631.144.244đ (Gốc: 500.000.000đ, lãi suất trong hạn: 51.494.529đ, lãi quá hạn: 79.649.715đ). Mặc dù đã quá hạn trả nợ nhưng ông N, bà L không thanh toán, do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N, bà L trả số tiền tạm tính đến ngày 13 tháng 7 năm 2023 là 631.144.244đ và yêu cầu trả lãi suất phát sinh theo hợp đồng, kể từ ngày 13 tháng 7 năm 2023 cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp ông N, bà L trả xong nợ, thì Ngân hàng trả cho ông N, bà L toàn bộ tài sản đã thế chấp. Trường hợp ông N, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, bị đơn là ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ông thừa nhận có vay của Ngân hàng số tiền 500.000.000đ với lãi suất và thời hạn vay như đại diện Ngân hàng trình bày. Do hoàn cảnh khó khăn nên chưa trả được, do vậy ông xin ngân hàng giảm lãi và xin trả dần.

Tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0266/17/HĐBĐ-235 ngày 04 tháng 7 năm 2017 có nội dung như sau:

Ông N, bà L, ông X, bà C thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của các thửa đất sau: Thửa đất số 06, tờ bản đồ 44, diện tích 10.647,0m²; Thửa đất số 70, tờ bản đồ 39, diện tích 2.749,9m².

Tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0266/17/HĐTDHM – CN/235 ngày 04 tháng 7 năm 2017 thể hiện nội dung:

Ngày 04 tháng 7 năm 2017, Ngân hàng cấp hạn mức cho ông N, bà L vay 500.000.000đ. Lãi suất: được ghi trong khế ước nhận nợ. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất chậm trả: 10% lãi suất trong hạn. Thời hạn vay: 60 tháng.

Tại Giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ Số 0266/17/HĐTDHM-CN/235/KUNN06 ngày 30 tháng 9 năm 2021 có nội dung tóm tắt:

Ngân hàng cho ông N, bà L vay 500.000.000đ. Lãi suất: 10,4%/năm; Thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2021.

Tại Biên bản xác minh ngày 09 tháng 3 năm 2023, Ủy ban nhân dân xã E, huyện E cung cấp thông tin:

Đối với thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44, diện tích 10.647m² và thửa đất số 70, tờ bản đồ số 39, diện tích 2749,9m², thì hiện nay ông N và bà L là người đang canh tác quản lý và sử dụng ổn định, không phát sinh tranh chấp với ai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến đã khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Đại diện của nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền 631.144.244đ và lãi suất phát sinh, kể từ ngày 13 tháng 7 năm 2023 cho đến khi trả xong nợ. Sau khi trả xong nợ, thì nguyên đơn có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn tài sản đã thế chấp. Trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Về án phí, chi phí tố tụng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án:

+ Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn khởi kiện và có nộp tiền tạm ứng án phí. Bị đơn trú tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vì vậy Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk căn cứ vào Điều 35, 39; khoản 3 Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý vụ án.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Mặc dù Tòa án tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Tòa án đã triệu tập hợp lệ, nhưng bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt, vì vậy Tòa án căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp:

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại hợp đồng và kế ước nhận nợ, thể hiện Ngân hàng cho ông N, bà L vay 500.000.000đ. Lãi suất: 10,4%/năm; Thời hạn vay: 12 tháng. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng, thừa nhận ông N, bà L đã trả cho Ngân hàng được 505.471đ tiền lãi, chưa trả bất kỳ khoản tiền gốc nào.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, ông N thừa nhận số tiền đã vay với lãi suất và thời hạn vay như đại diện Ngân hàng trình bày, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin giảm lãi và xin trả dần. Tuy nhiên không được đại diện Ngân hàng đồng ý.

Xét thấy khoản vay đến nay đã quá hạn trả nợ theo hợp đồng và theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự, do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N, bà L trả số tiền 631.144.244đ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy Hội đồng xét xử chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, buộc ông N, bà L trả cho Ngân hàng số tiền 631.144.244đ.

[4]. Về xử lý tài sản thế chấp: Nhận thấy tài sản thế chấp là của ông N, bà L, ông C, bà X và việc thế chấp được thực hiện tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy trong trường hợp ông N, bà L thanh toán xong nợ, thì Ngân hàng phải trả lại cho ông N, bà L tài sản thế chấp. Trường hợp ông N, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[5] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận vì vậy ông N, bà L phải chịu 3.000.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định. Trả lại cho Ngân hàng số tiền 3.000.000đ sau khi thu được của ông N, bà L.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên N, bà L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch với số tiền 29.245.769đ (Làm tròn 29.245.000đ), được tính như sau: (400.000.000đ có mức thu 20.000.000đ; 231.144.244đ có mức thu là $231.144.244đ \times 4\% = 9.245.769đ$). Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; các điều 147; 157, 227; 235; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H, buộc ông Nguyễn Văn N, bà Đinh Thị L trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H số tiền: 631.144.244đ (Gốc: 500.000.000đ, lãi suất tính đến ngày 13 tháng 7 năm 2023 là 131.144.244đ).

Tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0266/17/HĐTDHM – CN/235 ngày 04 tháng 7 năm 2017 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2066/17/HĐTDHM-CN/235/KUNN06 ngày 30 tháng 9 năm 2021, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông N, bà L trả xong nợ.

Trường hợp ông N, bà L trả xong nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H phải trả lại cho ông N, bà L tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0266/17/HĐBĐ - 235 ngày 04 tháng 7 năm 2017.

Trường hợp ông N, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản mà ông N, bà L đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0266/17/HĐBĐ - 235 ngày 04 tháng 7 năm 2017 để thu hồi nợ.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

+ Ông N, bà L phải chịu 29.245.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố Hồ Chí Minh số tiền 12.520.000đ

đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/ 0010817 ngày 09 tháng 11 năm 2022.

+ Ông N, bà L phải chịu 3.000.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H số tiền 3.000.000đ sau khi thu được của ông N, bà L.

3. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện E;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

ĐỖ VĂN DŨNG